

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29.7.2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
  1. ông Tăng Tài Thủ
  2. ông Lê Hồng Vũ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phan Ngọc D** sinh năm 1985  
Nơi cư ngụ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- *Bị đơn*: Chị **Trần Thị Kim X** sinh năm 1990  
Nơi cư ngụ: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.  
(nguyên/bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30.4.2022, nguyên đơn anh Phan Ngọc D trình bày*: Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên anh với chị Trần Thị Kim X được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 29.3.2016. Sau khi cưới, vợ chồng làm thuê tại tp. Hồ Chí Minh.

Do vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 9.2019 chị X về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh D yêu cầu ly hôn đối với chị Trần Thị Kim X; Vợ chồng không có con chung, tài sản hay nợ chung nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn chị Trần Thị Kim X:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với bị đơn được theo quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Phan Ngọc D đối với bị đơn chị Trần Thị Kim X; Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết; Đề nghị ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Anh Phan Ngọc D với chị Trần Thị Kim X được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên anh D có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Phan Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Kim X đã được Tòa án tổng đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị X vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Anh D, chị X chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Theo anh D thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã nên từ tháng 9.2019 chị X về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, anh D kiên quyết ly hôn; chị X đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa anh D với chị X đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn anh Phan Ngọc D phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Ngọc D đối với bị đơn chị Trần Thị Kim X.

1. *Về hôn nhân*: Anh Phan Ngọc D được ly hôn với chị Trần Thị Kim X.

2. *Về con chung*: Không có.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự (nguyên đơn) về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Phan Ngọc D phải nộp 300.000 đồng. Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp theo phiếu thu số 0004456 ngày 18.5.2022 được chuyển thành án phí. Anh D đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND xã Y, huyện Z (nơi đkkh).
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền